|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN TÂN HỒNG  **TRƯỜNG TH TÂN THÀNH A2** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /KH-THTTA2 | *Tân Thành A, ngày 13 tháng 10 năm 2022* |

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện các khoản thu năm học 2022-2023**

Thực hiện công văn số 1481/SGDĐT-KHTC ngày 12 tháng 10 năm 2022 của SGD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023)

Thực hiện công văn số số:1287 /PGDĐT ngày 12 tháng 10 năm 2022 của PGD&ĐT V/v triển khai hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập năm học 2022 - 2023

Căn cứ hướng dẫn số: 1170/HDLN/BHXH-GDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc thực hiện bảo hiểm y tê học sinh

Công văn số 160/CV-BVĐT của Bảo Việt ngày 16/6/2022 về việc triển khai bảo hiểm CBCC-GV và HS NH 2022-2023;

Trường Tiểu học Tân Thành A2 xây dựng kế hoạch thực hiện các khoản thu năm học 2022 -2023 như sau:

1. **Quy định chung về các khoản thu**
   1. Thực hiện các khoản thu phải theo đúng nội dung, định mức theo quy định hiện hành; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, thu nhập trên từng địa bàn; sử dụng đúng mục đích và hiệu quả; mở sổ theo dõi thu, chi, thực hiện công tác kế toán theo quy định.
   2. Các khoản thu trực tiếp Hiệu trưởng trường triển khai và công khai rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh (CMHS) của trường. và biết rõ khoản thu theo quy định, đóng góp tự nguyện, thỏa thuận,  
      thu hộ. Thông báo các khoản thu phải được mẫu hóa thống nhất toàn trường và do Hiệu trưởng nhà trường ký tên đóng dấu xác nhận để gửi cho CMHS biết.

3.Các khoản thu thỏa thuận: Phải lập dự toán thu, chi rõ ràng, chi tiết; có văn bản thỏa thuận thống nhất giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS trường sau khi được sự đồng thuận từ CMHS các lớp, phiên họp hội đồng trường.

Cụ thể, trình tự Hiệu trưởng trường thông qua tại các cuộc họp, hội nghị để lấy ý kiến đồng thuận, có ghi biên bản và danh sách ký xác nhận người dự như: họp liên tịch giữa trường và Ban đại diện CMHS trường của năm học trước; triển khai đến cán bộ, giáo viên và nhân viên trường; họp CMHS các lớp; hội nghị cử Ban đại diện CMHS trường năm học mới.

4.Thực hiện công khai cam kết về chất lượng giáo dục và đào tạo, các điểu kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính theo quy định tại thông tư 36/2017/TT-BGD ngày 28/12/2017.

5.Tổ chức thu các khoản thu thực hiện tại bộ phận tài vụ; không giao cho giáo viên dạy lớp thu các khoản thu từ học sinh, CMHS…(theo CV: 894/SGDĐT- KHTC ngày 6/7/2016, cv số 1255/SGDĐT –KHTC ngày 18/8/2017 của sở GDĐT)

.Không gộp các khoản thu và đóng góp tập trung vào đầu năm để không gây khó khăn cho CMHS.

6. Ngoài các khoản thu hướng dẫn tại Công văn này, CBGV-CNV không được tự ý đặt ra các khoản thu để thu thêm từ CMHS, học sinh dưới bất kỳ hình thức nào khác.

1. **Quy định cụ thể các khoản thu**
2. **Các khoản thu có văn bản thống nhất giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường**
   1. Khoản thu thỏa thuận: Khoản thu dạy 2 buổi/ngày

Thực hiện theo Công văn số 1481/SGDĐT-KHTC ngày 12 tháng 10 năm 2022 của SGD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục cụ thể như sau:

**\* SỐ TIẾT DẠY CỦA CB-GV TOÀN TRƯỜNG**

(Thực hiện công văn số 1481/SGDĐT-KHTC ngày 12 tháng 10 năm 2022 của SGD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập năm học 2022-2023)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ tên GV** | **Chức vụ/**  **GVCN** | **Số tiết kiêm nhiệm** | **Số tiết thực dạy trong tuần** | **Số tiết chủ nhiệm** | **Tổng số tiết** | **Tiết chuẩn quy định** | **Số tiết tăng cường trên TKB** | **Số tiết tăng cường đã trừ đủ tiết chuẩn** | **Ghi chú** |
| 1 | Lê Quang Sĩ | HT |  | 2 |  | 2 |  |  |  | 5A1 |
| 2 | Nguyễn Kim Phượng | PHT |  | 4 |  | 4 |  |  |  | 1A1; 4A1 |
| 3 | Võ Văn Mứt | PHT |  | 4 |  | 4 |  |  |  | 5A2; 1+3 |
| 4 | Bùi Tấn Nam | TPT |  | 2 |  | 2 |  |  |  | 2A1 |
| 5 | Tô Thị Nhanh | 1A1 | 3/TT1 | 19 | 3 | 25 | 23 | 5 | 5 |  |
| 6 | Nguyễn Thị Ngọc Nữ | 1A2 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 7 | Hồ Anh Tuấn | 1A3 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 8 | Trần Châu Văn | 1A4 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 9 | Phan Trọng Nghi | 1+3 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 10 | Nguyễn Thị Thảo | 2A1 | 3/TT2 | 19 | 3 | 25 | 23 | 5 | 5 |  |
| 11 | Nguyễn Văn Phúc B | 2A2 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 12 | Nguyễn Văn Phúc A | 2A3 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 13 | Dương Văn Tài | 3A1 | 3/TT3 | 17 | 3 | 23 | 23 | 4 | 4 |  |
| 14 | Phạm Thị Lệ | 3A2 |  | 17 | 3 | 20 | 23 | 4 | 1 |  |
| 15 | Lâm Văn Mởn | 3A3 | 2/TTND | 17 | 3 | 22 | 23 | 4 | 3 |  |
| 16 | Lê Hồng Ngọc | 4A1 | 3/TT4 | 19 | 3 | 25 | 23 | 5 | 5 |  |
| 17 | Nguyễn Văn Tiếng | 4A2 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 18 | Lê Ngọc Bích | 4A3 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 19 | Nguyễn Thành Nghiệp | 4A4 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 20 | Huỳnh Văn Ngoãn | 5A1 | 3/TT5 | 19 | 3 | 25 | 23 | 5 | 5 |  |
| 21 | Nguyễn Quốc Dũng | 5A2 | 4/CTCĐ | 19 | 3 | 26 | 23 | 5 | 5 |  |
| 22 | Nguyễn Tùng Dương | 5A3 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 23 | Phạm Văn Phê | 5A4 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 24 | Lâm Thanh Trúc | 5A5 |  | 19 | 3 | 22 | 23 | 5 | 4 |  |
| 25 | Lâm Thị Thúy An | AV |  | 24 |  | 24 | 23 | 1 | 1 |  |
| 26 | Trần Thị Bích Liên | AV |  | 24 |  | 24 | 23 | 1 | 1 |  |
| 27 | Nguyễn Trường Giang | MT | 4/PCTCĐ | 19 |  | 23 | 23 |  |  |  |
| 28 | Nguyễn Văn Trình | ÂN |  | 20 |  | 23 | 23 | 3 |  | BDVN |
| 29 | Nguyễn Văn Bon | TD |  | 20 |  | 23 | 23 | 3 |  | BDBĐ |
| 30 | Trần Thị Lệ Thu | TD |  | 20 |  | 23 | 23 | 3 |  | BDBCV |

**\* KINH PHÍ DẠY HAI BUỔI TỪNG KHỐI LỚP:**

***Lớp 1A1:***

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 5 tiết/tuần x 35 tuần = 700.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 350.000đ; đợt 2: 350.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 5 tiết/tuần x 35 tuần = 320.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 175.000đ; đợt 2: 175.000đ).

***Lớp 1A2; Lớp 1A3; Lớp 1A4:***

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 560.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 280.000đ; đợt 2: 280.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 280.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 140.000đ; đợt 2: 140.000đ).

**Lớp 2A1:**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 5 tiết/tuần x 35 tuần = 700.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 350.000đ; đợt 2: 350.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 5 tiết/tuần x 35 tuần = 520.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 175.000đ; đợt 2: 175.000đ).

**Lớp 2A2; Lớp 2A3**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 560.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 280.000đ; đợt 2: 280.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 280.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 140.000đ; đợt 2: 140.000đ).

**Lớp 3A1:**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 560.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 280.000đ; đợt 2: 280.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 280.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 140.000đ; đợt 2: 140.000đ).

**Lớp 3A2:**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 1 tiết/ tuần x 35 tuần = 140.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 70.000đ; đợt 2: 70.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 1 tiết/ tuần x 35 tuần = 70.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 35.000đ; đợt 2: 35.000đ).

**Lớp 3A3:**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 3 tiết/ tuần x 35 tuần = 420.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 210.000đ; đợt 2: 210.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 3 tiết/ tuần x 35 tuần = 210.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 110.000đ; đợt 2: 100.000đ).

**Lớp 4A1:**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 5 tiết/tuần x 35 tuần = 700.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 350.000đ; đợt 2: 350.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 5 tiết/tuần x 35 tuần = 350.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 175.000đ; đợt 2: 175.000đ).

**Lớp 4A2; 4A3; 4A4:**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 560.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 280.000đ; đợt 2: 280.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 280.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 140.000đ; đợt 2: 140.000đ).

**Lớp 5A1; Lớp 5A2:**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 5 tiết/tuần x 35 tuần = 700.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 350.000đ; đợt 2: 350.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 5 tiết/tuần x 35 tuần = 350.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 175.000đ; đợt 2: 175.000đ).

**Lớp 5A3; 5A4; Lớp 5A5:**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 560.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 280.000đ; đợt 2: 280.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 4 tiết/ tuần x 35 tuần = 280.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 140.000đ; đợt 2: 140.000đ).

**Trần Thị Bích Liên**:

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 1 tiết/ tuần x 17 tuần = 68.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 38.000đ; đợt 2: 30.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 1 tiết/ tuần x 17 tuần = 34.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 17.000đ; đợt 2: 17.000đ).

**Lâm Thị Thúy An:**

- Học sinh bình thường: 4.000đ/tiết x 1 tiết/ tuần x 18 tuần = 72.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 40.000đ; đợt 2: 32.000đ).

- Học sinh (giảm 50%): 2.000đ/tiết x 1 tiết/ tuần x 18 tuần = 70.000đ (thu 2 đợt, đợt 1: 18.000đ; đợt 2: 18.000đ).

*( Cô Liên và Cô An tính tiền thừa giờ chỉ 01 lớp với tổng số HS không quá 35 em)*

Trên đây là bảng chi tiết kinh phí dạy học 2 buổi/ ngày năm học 2022-2023

**2.Khoản thu thực hiện thống nhất toàn trường**

Các khoản thu phục vụ trực tiếp học sinh như: sổ liên lạc, học bạ; trường thống nhất mẫu, căn cứ báo giá của các đơn vị cung cấp thống nhất với Ban đại diện CMHS.

1. **Khoản thu khác**

*2.1.Bảo hiểm y tế:* Thu theo Công văn số 1170/HDLN/BHXH-GDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc thực hiện bảo hiểm y tê học sinh

*2.2.Các khoản thu tự nguyện*

*a)Bảo hiểm tai nạn:* Là khoản thu tự nguyện. Thu theo Công văn số 160/CV-BVĐT của Bảo Việt ngày 16/6/2022 về việc triển khai bảo hiểm CBCC-GV và HS Năm học 2022-2023;

- *Các bước thực hiện:*

+ *Bước 1*: Thống nhất về chủ trương và kế hoạch triển khai trong lãnh đạo trường, Hội đồng trường, Ban đại diện CMHS trường;

+ *Bước 2*: Lập kế hoạch công việc và dự toán kinh phí chi tiết (bao gồm nguồn huy động, nội dung chi và dự kiến mức chi cụ thể) để thực hiện. Kế hoạch được niêm yết công khai trước khi tổ chức thực hiện ít nhất 15 ngày làm việc để lấy ý kiến đóng góp của giáo viên, cán bộ, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và nhà tài trợ;

+ *Bước 3:* Trường báo cáo và gửi hồ sơ về Phòng GDĐT Tân Hồng xem xét và cho ý kiến;

+ *Bước 4*: Hoàn thành công việc, trường niêm yết công khai, báo  
cáo quyết toán số kinh phí đã huy động và kết quả thực hiện với tổ chức, cá nhân đã đóng góp.

**V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

-Nhà trường tổ chức triển khai quán triệt đến đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong và cha mẹ học sinh. Công khai các khoản thu để cha mẹ học sinh biết và phối hợp thực hiện (*theo Mẫu số 2.2*). Lấy ý kiến đóng góp của Cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường và Cha mẹ học sinh đầu năm học.

- Giao đ/c Phó hiệu trưởng, các tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo dõi tổng hợp ý kiến trong quá trình thực hiện.

-Tổ chức thu, quản lý và sử dụng nguồn thu theo đúng quy định.  
 -Hiệu trưởng chịu trách nhiệm về các khoản thu, chi sai quy  
định theo hướng dẫn này và trả lại cho cha mẹ học sinh, học sinh.

-Hiệu trưởng xử lý cá nhân vi phạm (nếu có) sau khi được thống nhất ý kiến của Hội đồng trường.

-Nhà trường báo cáo tình hình triển khai và các khoản thu về Phòng GDĐT Tân Hồng chậm nhất đến ngày 15/11/2022.

- Giao cho tổ văn phòng niêm yết công khai tại bảng thông báo của Nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện các khoản thu của Trường Tiểu học Tân Thành A2 năm học 2022-2023./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG** |
| ***Nơi nhận****:*  - Phòng GD&ĐT (báo cáo);  - PHT (t/h);  - Các tổ CM,VP, CBGV-CNV (t/h);  - Ban ĐDCMHS(p/h);  - Lưu: VT. | **Lê Quang Sĩ** |